

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 31/3/2022
*Về việc tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; trụ sở: 25 T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn T – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Đ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2021). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

Ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ; địa chỉ: 26A/39 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: 26A/39 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2021, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ngày 19/8/2013, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T ký hợp đồng hạn mức tín dụng số 00037/HĐTD-HM/2013/SBLL ngày 19/8/2013. Theo nội dung hợp đồng hai bên đã ký, Ngân hàng cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cho vay hai tháng đầu 8.9%, lãi suất cho vay từ tháng thứ ba thay đổi vào đầu mỗi quý, được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 14 tháng cộng biên độ 4.19%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn số tiền 150.000.000 đồng qua Giấy nhận nợ ngày 22/8/2013. Để đảm bảo cho khoản vay trên Ngân hàng và bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 00037/HĐTC/QSDĐ-LL ngày 19/8/2013, thế chấp phần đất diện tích 125m² thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 20 tại xã Lai Hưng, huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01437 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/6/2006. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm thời hạn trả gốc và trả lãi, Ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng không thực hiện. Đến ngày 28/3/2022, bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 388.142.723 đồng, trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 238.142.723 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2022 là 388.142.723 đồng. Tiền lãi phát sinh từ ngày 29/3/2022 theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không trả đủ nợ, Ngân hàng yêu cầu được tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của bị đơn đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

- Đối với bị đơn ông Võ Văn C - Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 16/3/2022, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Theo biên bản xác minh ngày 08/12/2021 của Tòa án tại Công an phường An Bình, thành phố Dĩ An xác định bị đơn ông Võ Văn C và bà Phạm Thị T không có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú và hiện không sinh sống tại địa chỉ 26A/39 khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Tại hợp đồng tín dụng ngày 19/8/2013 bị đơn cung cấp địa chỉ 26A/39 khu phố Bình Đường 1, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhưng hiện bị đơn không cư trú tại địa chỉ trên, không thông báo địa chỉ cư trú mới cho nguyên đơn nên thuộc trường hợp giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập bị đơn về làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 25/3/2022 và 31/3/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án. Xét hợp đồng hạn mức tín dụng số 00037/HĐTD-HM/2013/SBLL ngày 19/8/2013 được giao kết giữa Ngân hàng và bị đơn thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 150.000.000 đồng cho bị đơn như thỏa thuận thông qua Giấy nhận nợ ngày 22/8/2013, trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Tính đến ngày 28/3/2022 số tiền bị đơn còn nợ là **388.142.723 đồng, trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 238.142.723 đồng xét có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền trên.**

[3] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng số 00037/HĐTD-HM/2013/SBLL ngày 19/8/2013 thì bị đơn còn phải trả tiền lãi đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, có căn cứ buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng đã giao kết từ ngày 29/3/2022 cho đến thanh toán xong tiền nợ cho nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Xét hợp đồng thế chấp tài sản số 00037/HĐTC/QSDĐ-LL ngày 19/8/2013, bị đơn đã thế chấp cho nguyên đơn phần đất diện tích 125m² thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 20 tại xã Lai Hưng, huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01437 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/6/2006. Tại điều 7 của hợp đồng quy định trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận thì được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì bị đơn còn phải tiếp tục dùng các tài sản khác thuộc sở hữu của mình để thanh toán nợ cho nguyên đơn.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/3/2022 của Tòa án xác định trên phần đất thế chấp hiện trạng là đất trống, không có tài sản.

Xét thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nguyên đơn đã tạm ứng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã tạm ứng trên nên cần buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 317, Điều 318 và Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với bị đơn ông V – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng hạn mức tín dụng số 00037/HĐTD-HM/2013/SBLL ngày 19/8/2013 tạm tính đến ngày 28/3/2022 với số tiền là **388.142.723 đồng, trong đó: Nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 238.142.723 đồng.**

Ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/3/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng hạn mức tín dụng số 00037/HĐTD-HM/2013/SBLL ngày 19/8/2013 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

2. Trường hợp ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là phần đất diện tích 125m² thuộc thửa đất số 371, tờ bản đồ số 20 tại xã Lai Hưng, huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01437 do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/6/2006 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 00037/HĐTC/QSDĐ-LL ngày 19/8/2013.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát

mãi các tài sản khác của ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn C – Chủ hộ kinh doanh Cơ sở Đ và bà Phạm Thị T phải chịu **19.407.136 đồng (Mười chín triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, một trăm ba mươi sáu đồng)**. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 8.914.000 đồng (Tám triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003107 ngày 08/11/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết